

XẾP THỨ TỰ CÁC TRƯỜNG THCS

(Theo kết quả thi vào tuyển sinh lớp 10 THPT năm học 2013-2014 - theo điểm trung bình)

STT	Trường THCS	Điểm TB	Ghi chú
1	Phan Bội Châu - Tứ Kỳ	39.73	
2	Nguyễn Trãi - Nam Sách	38.50	
3	Chu Văn An - Thanh Hà	37.96	
4	Lê Thanh Nghị - Gia Lộc	37.34	
5	Vũ Hữu - Bình Giang	37.22	
6	Nguyễn Huệ - Cẩm Giàng	37.22	
7	Lê Quý Đôn - TP. Hải Dương	37.13	
8	Nguyễn Lương Bằng - Thanh Miện	36.80	
9	Thành Nhân - Ninh Giang	36.30	
10	Chu Văn An - Chí Linh	34.88	
11	TT Thanh Miện - Thanh Miện	34.54	
12	Hùng Sơn - Thanh Miện	33.90	
13	An Thanh - Tứ Kỳ	33.90	
14	Tiền Phong - Thanh Miện	33.83	
15	TT Cẩm Giàng - Cẩm Giàng	33.71	
16	Cộng Hòa - Kim Thành	33.48	
17	Quang Khải - Tứ Kỳ	33.43	
18	TT Tứ Kỳ - Tứ Kỳ	33.42	
19	Đoàn Thượng - Gia Lộc	33.41	
20	Lê Ninh - Kinh Môn	33.06	
21	Phạm Sư Mạnh - Kinh Môn	32.85	
22	Hoàng Hanh - Ninh Giang	32.70	
23	Quang Trung - Kinh Môn	32.65	
24	Quyết Thắng - Thanh Hà	32.38	
25	Bình Minh - TP. Hải Dương	32.28	
26	Dân Chủ - Tứ Kỳ	32.22	
27	Tứ Cường - Thanh Miện	32.20	
28	Phú Thái - Kim Thành	32.07	
29	Tân Quang - Ninh Giang	32.07	
30	Ngô Gia Tự - TP. Hải Dương	31.90	
31	Thanh An - Thanh Hà	31.73	
32	Tiên Động - Tứ Kỳ	31.70	
33	Ngọc Liên - Cẩm Giàng	31.61	
34	Ngũ Hùng - Thanh Miện	31.60	
35	Đoàn Kết - Thanh Miện	31.59	
36	Chí Minh - Chí Linh	31.55	
37	Hà Thanh - Tứ Kỳ	31.49	
38	Quang Minh - Gia Lộc	31.48	
39	Chí Lãng Nam - Thanh Miện	31.48	
40	Cao Thắng - Thanh Miện	31.37	
41	Thống Nhất - Gia Lộc	31.17	
42	Quang Phục - Tứ Kỳ	31.15	
43	Hồng Đức - Ninh Giang	31.14	
44	Thắng Long - Kinh Môn	31.13	
45	Văn Hội - Ninh Giang	31.05	

46	Đức Xương - Gia Lộc	30.99
47	Đức Chính - Cẩm Giàng	30.89
48	Thanh Giang - Thanh Miện	30.85
49	Phạm Kha - Thanh Miện	30.84
50	Tân Việt - Thanh Hà	30.80
51	Cầm Chế - Thanh Hà	30.78
52	Cầm Hoàng - Cẩm Giàng	30.71
53	Nam Đồng - TP. Hải Dương	30.69
54	Tân Phong - Ninh Giang	30.68
55	Võ Thị Sáu - TP. Hải Dương	30.62
56	An Lạc - Chí Linh	30.52
57	Thanh Lang - Thanh Hà	30.51
58	Văn Giang - Ninh Giang	30.51
59	Cầm Sơn - Cẩm Giàng	30.37
60	Hưng Long - Ninh Giang	30.37
61	Kỳ Sơn - Tứ Kỳ	30.33
62	Hưng Thái - Ninh Giang	30.33
63	Quốc Tuấn - Nam Sách	30.32
64	Trùng Khánh - Gia Lộc	30.32
65	Kim Anh - Kim Thành	30.21
66	Đồng Lạc - Nam Sách	30.20
67	Đoàn Tùng - Thanh Miện	30.20
68	Ninh Hoà - Ninh Giang	30.08
69	Cổ Dũng - Kim Thành	30.01
70	Hồng Phong - Nam Sách	29.96
71	Cầm Định - Cẩm Giàng	29.96
72	Đồng Xuyên - Ninh Giang	29.91
73	Ái Quốc - TP. Hải Dương	29.83
74	Lê Lợi - Chí Linh	29.82
75	Cao An - Cẩm Giàng	29.80
76	Hồng Lạc - Thanh Hà	29.75
77	Nguyễn Trãi - Chí Linh	29.74
78	Quang Trung - Tứ Kỳ	29.72
79	Tuấn Hưng - Kim Thành	29.71
80	Hưng Đạo - Tứ Kỳ	29.65
81	Hà Kỳ - Tứ Kỳ	29.65
82	Thanh Sơn - Thanh Hà	29.64
83	Hồng Hưng - Gia Lộc	29.59
84	Việt Hồng - Thanh Hà	29.54
85	Cổ Bì - Bình Giang	29.51
86	Lê Hồng Phong - TP. Hải Dương	29.47
87	Hiệp Hòa - Kinh Môn	29.42
88	Thái Hoà - Bình Giang	29.34
89	Trần Phú - TP. Hải Dương	29.32
90	Thái Học - Chí Linh	29.30
91	Nam Hưng - Nam Sách	29.30
92	Tiền Tiến - Thanh Hà	29.28
93	An Lương - Thanh Hà	29.23
94	Hồng Phúc - Ninh Giang	29.20
95	Văn Đức - Chí Linh	29.12
96	Thượng Đạt - TP. Hải Dương	29.10
97	Tứ Xuyên - Tứ Kỳ	29.07

98	Ninh Hải - Ninh Giang	29.06
99	Tái Sơn - Tứ Kỳ	29.00
100	Vạn Phúc - Ninh Giang	29.00
101	Lê Hồng - Thanh Miện	28.98
102	Lam Sơn - Thanh Miện	28.95
103	Cộng Hòa - Chí Linh	28.93
104	Việt Hưng - Kim Thành	28.91
105	Thái Tân - Nam Sách	28.90
106	Nam Hồng - Nam Sách	28.88
107	Hoàng Diệu - Gia Lộc	28.86
108	Phượng Kỳ - Tứ Kỳ	28.85
109	Lai Vu - Kim Thành	28.74
110	Diên Hồng - Thanh Miện	28.73
111	Ứng Hoè - Ninh Giang	28.73
112	Gia Khánh - Gia Lộc	28.72
113	Cộng Hòa - Nam Sách	28.69
114	Thanh Khê - Thanh Hà	28.66
115	Nguyễn Giáp - Tứ Kỳ	28.55
116	Phúc Thành - Kinh Môn	28.55
117	Đồng Lạc - Chí Linh	28.52
118	Hiệp Lực - Ninh Giang	28.51
119	Cầm Đông - Cầm Giàng	28.46
120	Gia Xuyên - Gia Lộc	28.42
121	Cầm Phúc - Cầm Giàng	28.41
122	Kiến Quốc - Ninh Giang	28.34
123	Thất Hùng - Kinh Môn	28.30
124	Tân Trào - Thanh Miện	28.29
125	Liên Hồng - Gia Lộc	28.25
126	Cầm Văn - Cầm Giàng	28.23
127	Hùng Thắng - Bình Giang	28.22
128	Hiệp Cát - Nam Sách	28.20
129	Nam Chính - Nam Sách	28.16
130	Đại Hợp - Tứ Kỳ	28.12
131	Tân Dân - Chí Linh	27.98
132	Tân Kỳ - Tứ Kỳ	27.91
133	TT Gia Lộc - Gia Lộc	27.87
134	An Đức - Ninh Giang	27.87
135	Phả Lại - Chí Linh	27.84
136	Hồng Dụ - Ninh Giang	27.84
137	Thái Sơn - Kinh Môn	27.83
138	Nghĩa An - Ninh Giang	27.81
139	Hoàng Tiến - Chí Linh	27.74
140	Cổ Thành - Chí Linh	27.73
141	Thanh Tùng - Thanh Miện	27.69
142	Thúc Kháng - Bình Giang	27.65
143	Kim Đỉnh - Kim Thành	27.63
144	Thượng Quận - Kinh Môn	27.61
145	Bạch Đằng - Kinh Môn	27.51
146	Thanh Thủy - Thanh Hà	27.50
147	Hợp Tiến - Nam Sách	27.49
148	Thanh Quang - Nam Sách	27.47
149	Phủ Diên - Nam Sách	27.44

150	Kẻ Sặt - Bình Giang	27.43
151	Bình Xuyên - Bình Giang	27.39
152	Hoa Thám - Chí Linh	27.38
153	Tráng Liệt - Bình Giang	27.36
154	Thống Kênh - Gia Lộc	27.35
155	Hợp Đức - Thanh Hà	27.29
156	Cộng Lạc - Tứ Kỳ	27.27
157	Văn An - Chí Linh	27.27
158	Ngũ Phúc - Kim Thành	27.26
159	Bình Hàn - TP. Hải Dương	27.25
160	Đồng Quang - Gia Lộc	27.20
161	Lạc Long - Kinh Môn	27.13
162	Ninh Thành - Ninh Giang	27.11
163	Nhật Tân - Gia Lộc	27.11
164	Tân Bình - TP. Hải Dương	27.09
165	Hồng Thái - Ninh Giang	27.05
166	Thái Học - Bình Giang	26.83
167	Hồng Phong - Ninh Giang	26.81
168	Tân Trường - Cẩm Giàng	26.81
169	Phạm Trấn - Gia Lộc	26.74
170	Thanh Hải - Thanh Hà	26.72
171	Nhân Quyền - Bình Giang	26.69
172	Ngô Quyền - Thanh Miện	26.68
173	Thái Thịnh - Kinh Môn	26.68
174	Thạch Lỗi - Cẩm Giàng	26.68
175	Liên Mạc - Thanh Hà	26.66
176	Minh Đức - Tứ Kỳ	26.51
177	Gia Lương - Gia Lộc	26.45
178	An Lâm - Nam Sách	26.41
179	Tân Việt - Bình Giang	26.38
180	An Phụ - Kinh Môn	26.35
181	Minh Tân - Kinh Môn	26.35
182	Mạc Thị Bưởi - Nam Sách	26.30
183	An Sơn - Nam Sách	26.29
184	Văn Tổ - Tứ Kỳ	26.28
185	Vĩnh Hoà - Ninh Giang	26.26
186	Đồng Kỳ - Tứ Kỳ	26.23
187	Quảng Nghiệp - Tứ Kỳ	26.22
188	Hồng Quang - Thanh Miện	26.21
189	Cầm Vũ - Cẩm Giàng	26.18
190	Ngọc Châu - TP. Hải Dương	26.12
191	Hưng Đạo - Chí Linh	25.96
192	TT Thanh Hà - Thanh Hà	25.96
193	Chi Lăng Bắc - Thanh Miện	25.93
194	Hưng Thịnh - Bình Giang	25.91
195	Hồng Khê - Bình Giang	25.82
196	Tân An - Thanh Hà	25.74
197	TT Nam Sách - Nam Sách	25.63
198	Tứ Minh - TP. Hải Dương	25.52
199	Thái Dương - Bình Giang	25.48
200	Tân Hương - Ninh Giang	25.27
201	Thanh Xuân - Thanh Hà	25.27

202	Hiền Thành - Kinh Môn	25.19
203	Trường Thành - Thanh Hà	25.18
204	Cầm La - Kim Thành	25.06
205	Đại Đồng - Tứ Kỳ	24.94
206	Kim Xuyên - Kim Thành	24.93
207	Minh Tân - Nam Sách	24.89
208	Ngọc Sơn - Tứ Kỳ	24.88
209	Thanh Bình - Thanh Hà	24.86
210	Liên Hòa - Kim Thành	24.80
211	An Bình - Nam Sách	24.78
212	An Sinh - Kinh Môn	24.74
213	Thạch Khôi - TP. Hải Dương	24.67
214	Tử Lạc - Kinh Môn	24.66
215	Phúc Thành - Kim Thành	24.65
216	Gia Tân - Gia Lộc	24.60
217	Thanh Cường - Thanh Hà	24.55
218	An Châu - TP. Hải Dương	24.54
219	Thanh Xá - Thanh Hà	24.47
220	Kim Giang - Cẩm Giàng	24.43
221	Sao Đỏ - Chí Linh	24.43
222	Marie Curie - TP. Hải Dương	24.25
223	Long Xuyên - Bình Giang	24.24
224	Lê Lợi - Gia Lộc	24.21
225	Toàn Thắng - Gia Lộc	24.21
226	Bình Minh - Bình Giang	24.03
227	Đại Đức - Kim Thành	24.00
228	Đồng Gia - Kim Thành	24.00
229	Vĩnh Lập - Thanh Hà	23.98
230	Yết Kiêu - Gia Lộc	23.98
231	Việt Hòa - TP. Hải Dương	23.94
232	Hải Tân - TP. Hải Dương	23.90
233	Lương Điền - Cẩm Giàng	23.88
234	Bình Dân - Kim Thành	23.88
235	Cầm Thượng - TP. Hải Dương	23.85
236	Hoành Sơn - Kinh Môn	23.74
237	Hoàng Tân - Chí Linh	23.69
238	Phượng Hoàng - Thanh Hà	23.65
239	Quyết Thắng - Ninh Giang	23.54
240	Kim Tân - Kim Thành	23.31
241	Cầm Đoài - Cẩm Giàng	23.28
242	Long Xuyên - Kinh Môn	23.23
243	Quang Hưng - Ninh Giang	23.21
244	Minh Hòa - Kinh Môn	23.18
245	Phượng Hưng - Gia Lộc	23.11
246	Hiệp Sơn - Kinh Môn	23.05
247	Hiệp An - Kinh Môn	22.81
248	Phú Thù - Kinh Môn	22.74
249	Kim Lương - Kim Thành	22.73
250	Gia Hòa - Gia Lộc	22.50
251	Lai Cách - Cẩm Giàng	22.48
252	Duy Tân - Kinh Môn	22.33
253	Thanh Hồng - Thanh Hà	22.30

254	Tân Hồng - Bình Giang	22.19
255	Kim Khê - Kim Thành	22.14
256	Cầm Hưng - Cầm Giàng	21.87
257	Nhân Huệ - Chí Linh	21.81
258	Thượng Vũ - Kim Thành	21.80
259	Nam Trung - Nam Sách	21.76
260	Cầm Điền - Cầm Giàng	21.61
261	Đồng Tâm - Ninh Giang	21.34
262	TT Ninh Giang - Ninh Giang	21.31
263	Trần Hưng Đạo - TP. Hải Dương	21.07
264	Vĩnh Tuy - Bình Giang	20.57
265	Tân Hưng - TP. Hải Dương	20.47
266	Vĩnh Hồng - Bình Giang	20.22
267	Tân Tiến - Gia Lộc	20.06
268	Ngọc Kỳ - Tứ Kỳ	20.05
269	Tam Kỳ - Kim Thành	19.71
270	Bình Lãng - Tứ Kỳ	19.68
271	Tân Dân - Kinh Môn	18.73
272	Phạm Mệnh - Kinh Môn	18.42
273	TT Kinh Môn - Kinh Môn	17.72
Toàn tỉnh		28.23